



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 113-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Công Ty TNHH Foodtech
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 212M₁01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7.0
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.28
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.12
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33.38
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	2.7
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	90
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.75
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.45
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.39



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

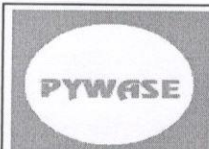
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 114-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 213M₁01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.85
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.41
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.04
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.46
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	34.4
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	0.004
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	12.6
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	93
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.9
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.8
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.52
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clor Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

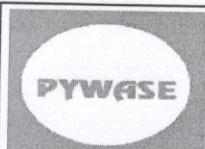
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 115-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Sở Kế Hoạch - Đầu Tư
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 214M₁01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.91
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.7
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.46
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	35.94
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	10.0
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	92
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.26
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



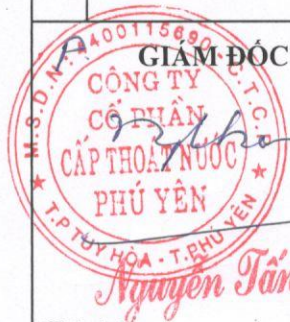
Số: 116-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : 110 Nguyễn Huệ
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
- Ký hiệu mẫu : 214M₂01/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.96
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.72
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.8
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33.89
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	0.004
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	6.6
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	90
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.4
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.32
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

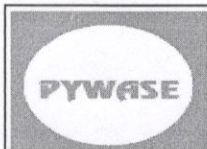
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 117-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019
 Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Khu Tái Định Cư Ninh Tịnh
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l
4. Ký hiệu mẫu : 214M₃01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.88
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.9
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	KPH (LOD=0,02)
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.46
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	33.89
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	6.8
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	89
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.9
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.32
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	KPH (LOD=0,38)



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

(Signature)

Nguyễn Văn Bình

(Signature)

Võ Bá Duy Huân

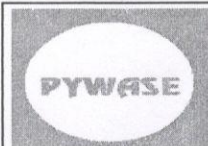
Ghi chú: *(Signature)* **Nguyễn Tấn Thuận**

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 118-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Tuy Hòa
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
4. Ký hiệu mẫu : 215B01/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.87
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.74
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.06
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	12.8
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	26.7
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	10.4
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	88
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.85
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.020
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.39
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.50
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

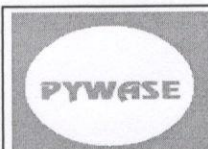
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 119-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Tuy An
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
4. Ký hiệu mẫu : 216B02/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.82
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.83
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.06
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	7.75
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	27.21
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	7.5
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	88
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.4
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	12.6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.19
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.53
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

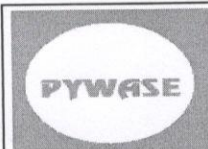
Ghi chú: Nguyễn Tấn Thuận

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 120-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Đồng Xuân
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
4. Ký hiệu mẫu : 216B03/19
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
6. Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7.16
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.69
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	5.73
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	28.75
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	5.4
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	79
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.35
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.0
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.19
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.46
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

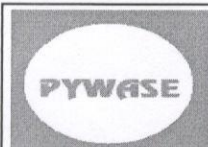
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG
 05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 121-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
- Ký hiệu mẫu : 217B04/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.91
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.44
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.04
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	22.9
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	9.76
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	7.6
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	97
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.45
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9.0
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.65
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.53
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E. Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

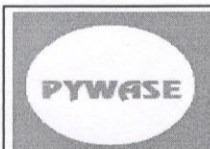
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 122-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Đông Bắc Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
- Ký hiệu mẫu : 217B05/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	6.76
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	0.27
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.04
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	10.78
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	46.21
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	6.1
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	68
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	2.25
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.6
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	KPH (LOD=0,01)
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	KPH (LOD=0.14)
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.50
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

Nguyễn Tấn Thuận

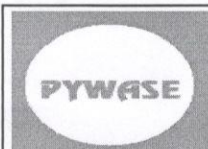
Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 123-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Sông Hình
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
- Ký hiệu mẫu : 218B06/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7.09
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	1.32
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.04
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	30.65
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	46.21
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	KPH (LOD=0,003)
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	7.3
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	103
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.2
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	8.0
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.04
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.65
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.46
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

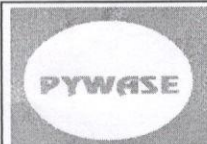
Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



VILAS 746

Số: 124-2019/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 16/12/2019

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể Chứa NMN Sơn Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu được đựng trong chai nhựa 1l, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh 1l
- Ký hiệu mẫu : 218B07/19
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 09/12/2019
- Thời gian thử nghiệm : 7 ngày
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN01:2009/BYT	Kết quả
1	pH (*)		TCVN6492:2011	6,5-8,5	7.24
2	Độ đục (*)	NTU	TCVN6184:2008	2	1.11
3	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN6177:1996	0.3	0.02
4	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN6194:1996	250	11.79
5	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN6224:1996	300	16.94
6	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN6178:1996	3	0.004
7	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN6185:2008	15	9.1
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	SMEWW-2540C	1000	109
9	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN6180:1996	50	0.95
10	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	9.0
11	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN6002:1995	0.3	0.02
12	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN6186:1996	2	0.45
13	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN6179-1:1996	3	KPH (LOD=0,005)
14	Clo Tổng số (*)	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0.5	0.50
15	Coliform (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH
16	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	TCVN6187-2:1996	0	KPH



GIÁM ĐỐC

PHÒNG KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân

Ghi chú:

- (*) ; Chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOD: Giới hạn phát hiện, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KT.02.02

Ban hành lần 03

Ngày ban hành: 26/09/2019